

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Điều lệ (sửa đổi, bổ sung)
Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh Thanh Hóa

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 126/2024/NĐ-CP ngày 08/10/2024 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội;

Theo đề nghị của Chủ tịch Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh Thanh Hóa, của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 1592/TTr-SNV ngày 25/12/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh Thanh Hóa đã được Đại hội lần thứ IV, nhiệm kỳ 2025 - 2030 của Hiệp hội thông qua ngày 13/12/2025.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở: Nội vụ, Tài chính; Chủ tịch Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh Thanh Hóa; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, THĐT, KTTC.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Hoài Anh

ĐIỀU LỆ (sửa đổi, bổ sung)
HIỆP HỘI DOANH NGHIỆP TỈNH THANH HOÁ
(Phê duyệt kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2026
của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Tên gọi, biểu tượng

- Tên tiếng Việt: Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh Thanh Hoá.
- Tên tiếng Anh: Thanh Hoa Business Association.
- Tên viết tắt: THBA.
- Biểu tượng: Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh Thanh Hoá có biểu tượng riêng theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Tôn chỉ, mục đích

Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh Thanh Hóa (sau đây gọi tắt là Hiệp hội) là tổ chức xã hội - nghề nghiệp của các doanh nghiệp Việt Nam thuộc mọi thành phần kinh tế, đang hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc có trụ sở trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa và các tổ chức hội/hiệp hội doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, tự nguyện thành lập, nhằm mục đích tập hợp, đoàn kết hội viên, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của hội viên, hỗ trợ nhau hoạt động có hiệu quả trong việc phát triển nghề nghiệp, nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thanh Hóa và của đất nước.

Điều 3. Tư cách pháp lý, trụ sở

- Hiệp hội có tư cách pháp nhân, con dấu, tài khoản riêng; hoạt động theo quy định pháp luật Việt Nam và Điều lệ Hiệp hội được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa phê duyệt.
- Trụ sở của Hiệp hội tại: Tầng 6, Tòa nhà VCCI, 91 đường Nguyễn Chí Thanh, phường Hàm Rồng, tỉnh Thanh Hóa.

Điều 4. Phạm vi, lĩnh vực hoạt động

- Hiệp hội có phạm vi hoạt động trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, trong lĩnh vực hoạt động sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp Việt Nam thuộc mọi thành phần kinh tế.
- Hiệp hội chịu sự quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa, sự quản lý của Sở Tài chính tỉnh Thanh Hóa và các sở, ngành khác có liên quan về lĩnh vực Hiệp hội hoạt động theo quy định pháp luật.

Điều 5. Nguyên tắc tổ chức, hoạt động

1. Tự nguyện, tự quản.
2. Dân chủ, bình đẳng, công khai, minh bạch.
3. Tự bảo đảm kinh phí hoạt động.
4. Không vì mục đích lợi nhuận.
5. Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ Hiệp hội.

Chương II

QUYỀN, NGHĨA VỤ, TRÁCH NHIỆM CỦA HIỆP HỘI

Điều 6. Quyền của Hiệp hội

1. Tổ chức, hoạt động theo Điều lệ Hiệp hội đã được phê duyệt.
2. Tuyên truyền tôn chỉ, mục đích hoạt động của Hiệp hội. Được cung cấp thông tin, phổ biến đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.
3. Đại diện cho hội viên trong mối quan hệ đối nội, đối ngoại có liên quan đến quyền và nghĩa vụ của Hiệp hội.
4. Bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Hiệp hội, hội viên và cộng đồng phù hợp với tôn chỉ, mục đích của Hiệp hội.
5. Tổ chức, phối hợp hoạt động giữa các hội viên vì lợi ích chung của Hiệp hội.
6. Phổ biến, bồi dưỡng kiến thức cho hội viên; cung cấp thông tin cần thiết cho hội viên theo quy định của pháp luật.
7. Tham gia các chương trình, dự án, đề tài, nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, các hoạt động tư vấn, phản biện chính sách theo đề nghị của cơ quan nhà nước; tham gia cung cấp dịch vụ công, tổ chức dạy nghề theo quy định của pháp luật.
8. Thành lập và quản lý chặt chẽ tổ chức thuộc Hiệp hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hiệp hội phù hợp với tôn chỉ, mục đích và lĩnh vực hoạt động của Hiệp hội.
9. Được tham gia ý kiến trong xây dựng cơ chế, chính sách liên quan trực tiếp đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và lĩnh vực hoạt động của Hiệp hội. Kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các vấn đề liên quan tới sự phát triển hội và lĩnh vực Hiệp hội hoạt động. Được tham gia tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, tổ chức các hoạt động dịch vụ khác theo quy định của pháp luật và được cấp chứng chỉ hành nghề, chứng chỉ năng lực, chứng chỉ khác liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hiệp hội khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.

10. Phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan để thực hiện nhiệm vụ của Hiệp hội.

11. Thu hội phí của hội viên và hoạt động tạo nguồn thu từ kinh doanh, dịch vụ theo quy định của pháp luật để tự trang trải về kinh phí hoạt động.

12. Được tiếp nhận, quản lý và sử dụng các nguồn tài trợ, viện trợ hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật, gắn với tôn chỉ, mục đích hoạt động, chức năng, nhiệm vụ của Hiệp hội.

13. Được Nhà nước hỗ trợ kinh phí đối với những hoạt động gắn với nhiệm vụ do Đảng, Nhà nước giao (nếu có).

14. Khen thưởng, kỷ luật theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hiệp hội.

15. Hòa giải tranh chấp, giải quyết phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo liên quan đến Hiệp hội.

16. Quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Nghĩa vụ, trách nhiệm của Hiệp hội

1. Chấp hành quy định của cơ quan có thẩm quyền và quy định của pháp luật có liên quan đến tổ chức, hoạt động của Hiệp hội và Điều lệ Hiệp hội.

2. Không được lợi dụng hoạt động của Hiệp hội để làm phương hại đến an ninh quốc gia, trật tự xã hội, đạo đức, thuần phong mỹ tục, truyền thống, bản sắc văn hóa dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân; lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để thực hiện các hoạt động mê tín, dị đoan; hoạt động tài chính, kinh doanh trái phép làm rối loạn thị trường trong nước.

3. Không công nhận, vinh danh, suy tôn, phong tặng các danh hiệu trái quy định của pháp luật.

4. Hiệp hội chịu sự quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa, sự quản lý của Sở Tài chính tỉnh Thanh Hóa và các sở, ngành khác có liên quan về lĩnh vực Hiệp hội hoạt động theo quy định pháp luật.

5. Tập hợp, phát triển hội viên; tổ chức, phối hợp hoạt động giữa các hội viên vì lợi ích chung của Hiệp hội và thực hiện đúng tôn chỉ, mục đích hoạt động của Hiệp hội.

6. Tuyên truyền, phổ biến chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước liên quan đến lĩnh vực Hiệp hội hoạt động, Điều lệ, quy chế, quy định của Hiệp hội và bồi dưỡng, cập nhật kiến thức tới hội viên.

7. Đề xuất sửa đổi, bổ sung Điều lệ; quản lý chặt chẽ hoạt động của tổ chức thuộc Hiệp hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ; xây dựng, hoàn thiện các quy chế, quy định của Hiệp hội để làm cơ sở cho Hiệp hội tổ chức, hoạt động phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Hiệp hội.

8. Tuân thủ các quy định về tiếp nhận, quản lý và sử dụng viện trợ nước ngoài và các quy định pháp luật khác có liên quan; quản lý, sử dụng có hiệu quả các nguồn tài trợ, viện trợ và chịu trách nhiệm là chủ khoản viện trợ theo quy định của pháp luật.

9. Báo cáo hồ sơ tổ chức Đại hội theo quy định của pháp luật.

10. Sau khi miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay đổi chức vụ Chủ tịch, Phó Chủ tịch, thành viên Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Ban Thường trực, Ban Kiểm tra, thay đổi trụ sở, sửa đổi, bổ sung Điều lệ, Hiệp hội phải báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa, Sở Tài chính và các sở, ngành có liên quan đến hoạt động của Hiệp hội trong quá trình tổ chức và hoạt động theo quy định.

11. Báo cáo việc thành lập các tổ chức thuộc Hiệp hội với Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa, Sở Tài chính và các sở, ngành có liên quan đến hoạt động của Hiệp hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hiệp hội.

12. Hàng năm, Hiệp hội báo cáo tình hình tổ chức, hoạt động của Hiệp hội với Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa, Sở Tài chính và các sở, ngành có liên quan theo quy định của pháp luật.

13. Báo cáo kết quả giải quyết tranh chấp, đơn, thư phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo liên quan đến Hiệp hội với Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa, Sở Tài chính tỉnh Thanh Hóa và các sở, ngành có liên quan.

14. Chấp hành sự hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc tuân thủ pháp luật và Điều lệ Hiệp hội.

15. Lập và lưu giữ tại trụ sở Hiệp hội danh sách hội viên, tổ chức thuộc Hiệp hội, sổ sách, chứng từ về tài sản, tài chính của Hiệp hội, biên bản các cuộc họp Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Ban Kiểm tra Hiệp hội.

16. Kinh phí thu được hàng năm phải dành cho hoạt động Hiệp hội theo quy định của Điều lệ Hiệp hội, không được chia cho hội viên.

17. Việc sử dụng kinh phí của Hiệp hội phải chấp hành quy định của pháp luật và Điều lệ Hiệp hội đảm bảo công khai, minh bạch.

18. Ban hành các quy chế về hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Ban Thường trực, Ban Kiểm tra Hiệp hội; quản lý, sử dụng tài sản, tài chính của Hiệp hội; khen thưởng, kỷ luật; quản lý hội viên; giải quyết kiến nghị, phản ánh, tranh chấp, khiếu nại, tố cáo liên quan đến Hiệp hội; quản lý và sử dụng con dấu của Hiệp hội và các quy định khác phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Hiệp hội.

19. Xây dựng và ban hành quy tắc đạo đức trong hoạt động của Hiệp hội.

20. Cập nhật tình hình tổ chức, hoạt động của Hiệp hội vào cơ sở dữ liệu về Hiệp hội và phối hợp xây dựng, vận hành cơ sở dữ liệu về Hiệp hội.

21. Thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng, phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố.

22. Nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Chương III

HỘI VIÊN

Điều 8. Hội viên, tiêu chuẩn hội viên

1. Hội viên của Hiệp hội gồm hội viên chính thức, hội viên liên kết và hội viên danh dự:

a) Hội viên chính thức: Doanh nghiệp Việt Nam thuộc mọi thành phần kinh tế có đủ tiêu chuẩn quy định tại khoản 2 Điều này, tán thành Điều lệ Hiệp hội, tự nguyện gia nhập Hiệp hội, có thể trở thành hội viên chính thức của Hiệp hội.

b) Hội viên liên kết:

Tổ chức, công dân Việt Nam không có điều kiện hoặc không có đủ tiêu chuẩn trở thành hội viên chính thức của Hiệp hội, tán thành Điều lệ Hiệp hội, tự nguyện đăng ký tham gia Hiệp hội, có thể trở thành hội viên liên kết của Hiệp hội.

c) Hội viên danh dự:

Tổ chức, công dân Việt Nam có uy tín, có nhiều đóng góp đối với Hiệp hội được Hiệp hội mời làm hội viên danh dự của Hiệp hội, tán thành Điều lệ Hiệp hội, tự nguyện gia nhập Hiệp hội có thể trở thành hội viên danh dự của Hiệp hội.

2. Tiêu chuẩn hội viên chính thức:

a) Là doanh nghiệp Việt Nam thuộc mọi thành phần kinh tế được thành lập hợp pháp theo quy định của pháp luật Việt Nam, đang hoạt động trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; các hội/hiệp hội doanh nghiệp được thành lập theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

b) Tán thành Điều lệ Hiệp hội.

c) Tâm huyết, nhiệt tình tham gia các hoạt động của Hiệp hội.

d) Tự nguyện xin gia nhập Hiệp hội và được Hiệp hội kết nạp.

Điều 9. Quyền của hội viên

1. Được Hiệp hội bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp theo quy định của pháp luật.

2. Được Hiệp hội cung cấp thông tin liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hiệp hội, được tham gia các hoạt động do Hiệp hội tổ chức.

3. Được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến, đề xuất các nội dung liên quan đến chủ trương công tác của Hiệp hội theo quy định của Hiệp hội; được kiến nghị, đề xuất ý kiến với cơ quan có thẩm quyền về những vấn đề có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hiệp hội.

4. Được dự Đại hội, ứng cử, đề cử, bầu cử các cơ quan, các chức danh lãnh đạo và Ban Kiểm tra Hiệp hội theo quy định của Hiệp hội.

5. Được giới thiệu hội viên mới.

6. Được khen thưởng theo quy định của Hiệp hội.

7. Được cấp thẻ hội viên, chứng nhận hội viên (nếu có).
8. Được ra khỏi Hiệp hội khi xét thấy không thể tiếp tục là hội viên.
9. Hội viên liên kết, hội viên danh dự được hưởng quyền và nghĩa vụ như hội viên chính thức, trừ quyền biểu quyết các vấn đề của Hiệp hội và quyền ứng cử, đề cử, bầu cử Ban lãnh đạo, Ban Kiểm tra của Hiệp hội.

Điều 10. Nghĩa vụ của hội viên

1. Nghiêm chỉnh chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; chấp hành Điều lệ, các quy chế, quy định nội bộ của Hiệp hội.
2. Tham gia tích cực, đầy đủ các hoạt động và sinh hoạt của Hiệp hội; đoàn kết, hợp tác với các hội viên khác để xây dựng Hiệp hội phát triển vững mạnh.
3. Giữ gìn và bảo vệ uy tín của Hiệp hội, không được nhân danh Hiệp hội trong các quan hệ giao dịch, trừ khi được lãnh đạo Hiệp hội phân công bằng văn bản.
4. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định của Hiệp hội. Cung cấp trung thực, kịp thời các thông tin cần thiết phục vụ công tác tổng hợp, báo cáo, kết nối doanh nghiệp, xúc tiến thương mại và các hoạt động khác của Hiệp hội.
5. Đóng hội phí và các nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) đầy đủ và đúng hạn theo quy định của Hiệp hội.
6. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và quy định của Hiệp hội.

Điều 11. Thủ tục, thẩm quyền kết nạp hội viên; thủ tục ra khỏi Hiệp hội

1. Kết nạp hội viên:
Ban Chấp hành Hiệp hội xem xét và quyết định về trình tự, thủ tục kết nạp hội viên có đủ tiêu chuẩn nêu ở Điều 8. Hồ sơ xin gia nhập Hiệp hội bao gồm các giấy tờ sau:
 - a) Đơn gia nhập Hiệp hội theo mẫu.
 - b) Bản sao giấy tờ pháp lý của doanh nghiệp/tổ chức hoặc cá nhân (Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, CCCD đối với cá nhân...).
2. Ra khỏi Hiệp hội:
Ban Chấp hành Hiệp hội xem xét và quyết định cho phép hội viên ra khỏi Hiệp hội trong trường hợp hội viên có đơn tự nguyện xin ra khỏi Hiệp hội gửi Ban Chấp hành Hiệp hội.
3. Khai trừ hội viên:
Ban Chấp hành Hiệp hội xem xét và quyết định khai trừ hội viên trong trường hợp hội viên vi phạm nội dung sau đây:
 - a) Hoạt động trái với tôn chỉ, mục đích của Hiệp hội, gây tổn hại đến tài

chính và uy tín của Hiệp hội.

b) Không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của hội viên, không thực hiện đúng nghĩa vụ hoặc vi phạm nghiêm trọng những quy định, Điều lệ của Hiệp hội.

c) Bị tước quyền công dân; pháp nhân đã ngừng hoạt động, bị đình chỉ hoạt động, bị giải thể hoặc bị tuyên bố phá sản theo quy định pháp luật.

Chương IV

TỔ CHỨC, HOẠT ĐỘNG

Điều 12. Cơ cấu tổ chức của Hiệp hội

1. Đại hội.
2. Ban Chấp hành.
3. Ban Thường vụ.
4. Ban Thường trực.
5. Ban Kiểm tra.
6. Văn phòng, các Ban chuyên môn và các tổ chức trực thuộc.

Điều 13. Đại hội

1. Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Hiệp hội là Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường. Đại hội nhiệm kỳ được tổ chức 05 (năm) năm một lần. Đại hội bất thường được triệu tập khi ít nhất có 2/3 (hai phần ba) tổng số ủy viên Ban Chấp hành hoặc có ít nhất 1/2 (một phần hai) tổng số hội viên chính thức đề nghị.

2. Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường được tổ chức dưới hình thức Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu. Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu được tổ chức khi có trên 1/2 (một phần hai) số hội viên chính thức hoặc có trên 1/2 (một phần hai) số đại biểu chính thức được triệu tập có mặt.

3. Nhiệm vụ của Đại hội:

a) Báo cáo số lượng đại biểu tham dự Đại hội và báo cáo thẩm tra tư cách đại biểu tham dự Đại hội.

b) Thông qua chương trình Đại hội, quy chế Đại hội, quy chế bầu cử.

c) Thảo luận, thông qua báo cáo tổng kết nhiệm kỳ và phương hướng hoạt động nhiệm kỳ tiếp theo của Hiệp hội; báo cáo kiểm điểm của Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra; báo cáo tài chính của Hiệp hội.

d) Thông qua Điều lệ Hiệp hội hoặc thảo luận đổi tên Hiệp hội (nếu có), thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ hoặc tiếp tục sử dụng Điều lệ hiện hành.

đ) Chia, tách; sáp nhập, hợp nhất (nếu có).

e) Thông qua đề án nhân sự Đại hội; biểu quyết số lượng thành viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra cho cả nhiệm kỳ của Hiệp hội; đề cử, ứng cử vào danh sách Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra Hiệp hội.

- g) Bầu Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra Hiệp hội.
- h) Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ Hiệp hội (nếu có).
- i) Thông qua nghị quyết Đại hội.

4. Nguyên tắc biểu quyết tại Đại hội:

a) Đại hội có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Đại hội quyết định.

b) Việc biểu quyết thông qua các quyết định của Đại hội phải được quá 1/2 (một phần hai) tổng số đại biểu chính thức được triệu tập tán thành.

Điều 14. Ban Chấp hành Hiệp hội

1. Ban Chấp hành Hiệp hội là cơ quan lãnh đạo giữa 02 (hai) kỳ Đại hội do Đại hội bầu trong số các hội viên chính thức của Hiệp hội. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn, điều kiện, sức khỏe, độ tuổi của ủy viên Ban Chấp hành do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Chấp hành trùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Chấp hành:

a) Tổ chức triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội, Điều lệ Hiệp hội, lãnh đạo mọi hoạt động của Hiệp hội giữa hai kỳ Đại hội.

b) Chuẩn bị và quyết định triệu tập Đại hội.

c) Quyết định chương trình, kế hoạch công tác hàng năm của Hiệp hội.

d) Ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường trực, Ban Kiểm tra; Quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hiệp hội; Quy chế quản lý, sử dụng con dấu của Hiệp hội; Quy chế khen thưởng, kỷ luật; Quy chế giải quyết kiến nghị, phản ánh, tranh chấp, khiếu nại, tố cáo; Quy chế quản lý hội viên; Quy tắc đạo đức trong hoạt động của Hiệp hội, các quy chế khác và quy định trong nội bộ Hiệp hội phù hợp với quy định của Điều lệ Hiệp hội và quy định của pháp luật.

đ) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, tạm đình chỉ công tác và cho phép công tác trở lại đối với Chủ tịch, các Phó Chủ tịch; ủy viên Ban Thường vụ; ủy viên Ban Chấp hành; Trưởng Ban, Phó Trưởng Ban, ủy viên Ban Kiểm tra; bầu bổ sung ủy viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra. Số ủy viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra bầu bổ sung không được quá 1/3 (một phần ba) số lượng thành viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra đã được Đại hội quyết định.

e) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của Điều lệ Hiệp hội.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Chấp hành:

a) Ban Chấp hành hoạt động theo Quy chế của Ban Chấp hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hiệp hội.

b) Ban Chấp hành mỗi năm họp 02 (hai) lần, có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Ban Thường vụ hoặc trên 2/3 (hai phần ba) tổng số thành viên Ban Chấp hành. Ban Chấp hành có thể tổ chức họp trực tiếp hoặc qua nền tảng ứng

dụng trực tuyến hoặc kết hợp cả hai hình thức trực tiếp và trực tuyến do Ban Chấp hành quyết định.

c) Các cuộc họp của Ban Chấp hành là hợp lệ khi có trên 1/2 (một phần hai) thành viên Ban Chấp hành tham gia dự họp. Ban Chấp hành có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Chấp hành quyết định.

d) Các nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành được thông qua khi có trên 2/3 (hai phần ba) tổng số thành viên Ban Chấp hành tham gia dự họp biểu quyết tán thành. Trong trường hợp số ý kiến tán thành và không tán thành ngang nhau thì quyết định thuộc về bên có ý kiến của Chủ tịch Hiệp hội.

đ) Giữa hai kỳ họp, Ban Chấp hành có thể biểu quyết hoặc quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Ban Chấp hành thông qua việc lấy ý kiến Ban Chấp hành bằng văn bản.

Điều 15. Ban Thường vụ Hiệp hội

1. Ban Thường vụ Hiệp hội do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Chấp hành, trên cơ sở danh sách nhân sự do Chủ tịch Hiệp hội giới thiệu, đã được Ban Thường trực thảo luận, thống nhất với ít nhất 2/3 (hai phần ba) tổng số thành viên Ban Thường trực tán thành và trình Ban Thường vụ thống nhất trước khi giới thiệu ra Ban Chấp hành để bầu. Trường hợp đặc biệt do Ban Thường trực xem xét, quyết định trên cơ sở danh sách nhân sự do Chủ tịch Hiệp hội giới thiệu. Nhiệm kỳ của Ban Thường vụ trùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Thường vụ:

a) Giúp Ban Chấp hành triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội, Điều lệ Hiệp Hội; tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành; lãnh đạo hoạt động của Hiệp hội giữa hai kỳ họp Ban Chấp hành.

b) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của Điều lệ Hiệp hội.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Thường vụ:

a) Ban Thường vụ hoạt động theo Quy chế do Ban Chấp hành ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hiệp hội.

b) Ban Thường vụ mỗi năm họp 04 (bốn) lần, có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Chủ tịch Hiệp Hội hoặc trên 2/3 (hai phần ba) tổng số thành viên Ban Thường vụ. Ban Thường vụ có thể tổ chức họp trực tiếp hoặc qua nền tảng ứng dụng trực tuyến hoặc kết hợp cả hai hình thức trực tiếp và trực tuyến do Ban Thường vụ quyết định.

c) Các cuộc họp của Ban Thường vụ là hợp lệ khi có trên 1/2 (một phần hai) thành viên Ban Thường vụ tham gia dự họp. Ban Thường vụ có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Thường vụ quyết định.

d) Các nghị quyết, quyết định của Ban Thường vụ được thông qua khi có trên 2/3 (hai phần ba) tổng số thành viên Ban Thường vụ tham gia dự họp biểu quyết tán thành. Trong trường hợp số ý kiến tán thành và không tán thành ngang nhau thì quyết định thuộc về bên có ý kiến của Chủ tịch Hiệp hội.

đ) Giữa hai kỳ họp, Ban Thường vụ có thể biểu quyết hoặc quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Ban Thường vụ thông qua việc lấy ý kiến Ban Thường vụ bằng văn bản.

Điều 16. Ban Thường trực Hiệp hội

1. Ban Thường trực Hiệp hội do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Thường vụ, trên cơ sở danh sách nhân sự do Chủ tịch Hiệp hội giới thiệu.

Ban Thường trực bao gồm Chủ tịch, các Phó chủ tịch. Số lượng ủy viên Ban Thường trực không quá 1/3 (một phần ba) số lượng ủy viên Ban Thường vụ. Nhiệm kỳ của Ban Thường trực cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Thường trực:

a) Giúp Ban Chấp hành, Ban Thường vụ triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội, Điều lệ Hiệp Hội; tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ; lãnh đạo hoạt động của Hiệp hội giữa hai kỳ họp Ban Thường vụ.

b) Chủ trì, chỉ đạo, điều hành các hoạt động của Hiệp hội và các tổ chức trực thuộc theo quy định của Hiệp hội.

c) Chuẩn bị nội dung và quyết định triệu tập họp Ban Chấp hành.

d) Quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền điều hành của Hiệp hội theo Điều lệ, bao gồm những nội dung phát sinh giữa hai kỳ họp Ban Chấp hành, Ban Thường vụ.

đ) Quyết định thành lập các tổ chức thuộc Hiệp hội theo nghị quyết của Ban Chấp hành; quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn cơ cấu tổ chức; quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm lãnh đạo các tổ chức thuộc Hiệp hội.

e) Tham mưu, định hướng và chuẩn bị nội dung để Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Chủ tịch Hiệp hội xem xét, quyết định về chiến lược, chương trình, kế hoạch hoạt động trung hạn, dài hạn của Hiệp hội; tổ chức thực hiện sau khi được thông qua.

g) Quyết định các vấn đề về quản lý tài chính, tài sản, nhân sự, bộ máy giúp việc của Hiệp hội theo quy định của pháp luật, Điều lệ Hiệp hội và quy chế của Ban Chấp hành; giám sát việc sử dụng tài chính, tài sản bảo đảm công khai, minh bạch, đúng quy định.

h) Giữ mối quan hệ công tác với các cơ quan của Đảng, Nhà nước, chính quyền địa phương, các tổ chức trong và ngoài tỉnh theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hiệp hội.

i) Chỉ đạo giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của hội viên và các tổ chức trực thuộc theo thẩm quyền.

k) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của Điều lệ Hiệp hội và các quy chế, quy định nội bộ do Hiệp hội ban hành.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Thường trực:

a) Ban Thường trực hoạt động theo quy chế do Ban Chấp hành ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hiệp hội.

b) Ban Thường trực mỗi tháng họp 01 (một) lần, có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Chủ tịch Hiệp hội hoặc 2/3 (hai phần ba) tổng số thành viên Ban Thường trực. Ban Thường trực có thể tổ chức họp trực tiếp hoặc qua nền tảng ứng dụng trực tuyến hoặc kết hợp cả hai hình thức trực tiếp và trực tuyến do Ban Thường trực quyết định.

c) Các cuộc họp của Ban Thường trực là họp lệ khi có trên 1/2 (một phần hai) thành viên Ban Thường trực tham gia dự họp. Ban Thường trực có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Thường trực quyết định.

d) Các nghị quyết, quyết định của Ban Thường trực được thông qua khi có trên 2/3 (hai phần ba) tổng số thành viên Ban Thường trực tham gia dự họp biểu quyết tán thành. Trong trường hợp số ý kiến tán thành và không tán thành ngang nhau thì quyết định thuộc về bên có ý kiến của Chủ tịch Hiệp hội.

Điều 17. Ban Kiểm tra Hiệp hội

1. Ban Kiểm tra Hiệp hội do Đại hội bầu. Ban Kiểm tra gồm Trưởng ban, Phó trưởng ban (nếu có) và một số ủy viên. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Kiểm tra do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm tra trùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm tra:

a) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Điều lệ Hiệp hội, nghị quyết Đại hội; nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, các quy chế của Hiệp hội trong hoạt động của các tổ chức thuộc Hiệp hội, hội viên;

b) Xem xét, xử lý đơn thư, phản ánh, kiến nghị, tranh chấp, khiếu nại, tố cáo của tổ chức, hội viên và công dân liên quan tới tổ chức Hiệp hội, hội viên, các tổ chức thuộc Hiệp hội đã được quy định trong Quy chế giải quyết phản ánh, kiến nghị, tranh chấp, khiếu nại tố cáo của Hiệp hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hiệp hội. Tổng hợp, đề nghị Ban Thường vụ, Ban Chấp hành xem xét, giải quyết đơn phản ánh, kiến nghị, tranh chấp, khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền của Ban Thường vụ, Ban Chấp hành. Trường hợp không giải quyết được thì chuyển Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

c) Kiểm tra việc quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hiệp hội theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy chế của Hiệp hội; giám sát việc thực hiện chế độ thu, chi hội phí, các khoản đóng góp của hội viên và các nguồn thu

hợp pháp khác; phát hiện, kiến nghị với Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Ban Thường trực biện pháp xử lý các sai phạm (nếu có).

d) Định kỳ hoặc đột xuất báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát với Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Ban Thường trực Hiệp hội và Đại hội; kiến nghị các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của Hiệp hội, bảo đảm tính công khai, minh bạch, tuân thủ pháp luật trong hoạt động của Hiệp hội.

đ) Ban Kiểm tra có quyền yêu cầu các tổ chức, cá nhân liên quan trong Hiệp hội cung cấp thông tin, tài liệu phục vụ công tác kiểm tra, giám sát; trong phạm vi nhiệm vụ được giao, Ban Kiểm tra chịu trách nhiệm trước Ban Chấp hành và Đại hội về kết quả thực hiện nhiệm vụ.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Kiểm tra:

Ban Kiểm tra hoạt động theo quy chế do Ban Chấp hành ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hiệp hội. Giữa hai kỳ họp, Ban Kiểm tra có thể biểu quyết hoặc quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Ban Kiểm tra thông qua việc lấy ý kiến thành viên bằng văn bản.

Điều 18. Văn phòng, các ban chuyên môn, các tổ chức trực thuộc

1. Văn phòng, các ban chuyên môn là bộ phận tham mưu, giúp việc để triển khai thực hiện các hoạt động của Hiệp hội. Văn phòng, các ban chuyên môn tổ chức, hoạt động theo quy chế do Ban Chấp hành quy định phù hợp với Điều lệ Hiệp hội và quy định pháp luật. Ban Thường trực Hiệp hội quyết định thành lập các ban chuyên môn, phù hợp với Điều lệ Hiệp hội và quy định của pháp luật.

2. Câu lạc bộ là tổ chức không có tư cách pháp nhân, con dấu, tài khoản riêng được thành lập theo quy định của Điều lệ Hiệp hội. Địa điểm sinh hoạt thường xuyên của Câu lạc bộ phải được ghi rõ trong quyết định thành lập, khi Câu lạc bộ tổ chức sinh hoạt thì báo cáo chính quyền địa phương theo quy định của pháp luật về hội họp.

3. Các tổ chức có tư cách pháp nhân trực thuộc Hiệp hội được thành lập theo quy định của pháp luật. Ban Chấp hành quy định cụ thể về thành lập, tổ chức, hoạt động và quản lý các tổ chức có tư cách pháp nhân trực thuộc Hiệp hội phù hợp với Điều lệ Hiệp hội và quy định của pháp luật.

a) Hiệp hội chịu trách nhiệm quản lý chặt chẽ, toàn diện các tổ chức này, đảm bảo nguyên tắc không vì mục tiêu lợi nhuận trong quá trình tổ chức và hoạt động.

b) Điều kiện, thủ tục, hồ sơ thành lập thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành và pháp luật khác có liên quan. Trước khi gửi hồ sơ thành lập đến cơ quan có thẩm quyền, Hiệp hội có trách nhiệm báo cáo, xin ý kiến Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hoá (qua Sở Nội vụ), Sở Tài chính và các sở, ngành có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hiệp hội.

c) Trong thời gian 30 ngày làm việc kể từ ngày có giấy chứng nhận đăng ký hoạt động hoặc giấy phép hoạt động do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp, Hiệp hội báo cáo việc thành lập tổ chức có tư cách pháp nhân với Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hoá, Sở Tài chính và các sở, ngành có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hiệp hội; hồ sơ gồm:

Quyết định thành lập tổ chức có tư cách pháp nhân (Bản chính).

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động hoặc giấy phép hoạt động do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp (bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao, xuất trình bản cứng để đối chiếu).

Giấy chứng nhận đã đăng ký mẫu dấu (bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao, xuất trình bản cứng để đối chiếu).

Quyết định bổ nhiệm người đại diện theo pháp luật (bản chính).

d) Trường hợp tổ chức có tư cách pháp nhân hoạt động vi phạm pháp luật, không phù hợp với lĩnh vực hoạt động của Hiệp hội thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hoá có quyền yêu cầu Hiệp hội ra quyết định giải thể và đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động hoặc giấy phép hoạt động và thu hồi con dấu của tổ chức này.

4. Việc thành lập, tổ chức lại, sắp xếp, chấm dứt hoạt động của các tổ chức quy định tại khoản 3 Điều này theo quy định của Điều lệ Hiệp hội, phù hợp với quy định của pháp luật.

5. Khi Hiệp hội có quyết định giải thể của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hoá thì các tổ chức quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này đương nhiên chấm dứt hoạt động, thực hiện giải thể theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hiệp hội.

Điều 19. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hiệp hội

1. Chủ tịch Hiệp hội là người đại diện của Hiệp hội trước pháp luật, chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hoạt động của Hiệp hội. Chủ tịch Hiệp hội do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Thường trực Hiệp hội.

2. Tiêu chuẩn, điều kiện Chủ tịch Hiệp hội:

a) Tiêu chuẩn:

- Chấp hành và thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước;
- Có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt;
- Có uy tín, kinh nghiệm quản lý, hiểu biết sâu về lĩnh vực hoạt động của Hiệp hội, được hội viên tín nhiệm;
- Có quốc tịch Việt Nam và năng lực hành vi dân sự đầy đủ; không có án tích;
- Có năng lực bao quát, tư duy chiến lược, đổi mới, sáng tạo, kết nối các khối doanh nghiệp đa ngành và khả năng định hướng cho sự phát triển của Hiệp hội;

- Có phương pháp làm việc chuyên nghiệp, giữ mối quan hệ công tác chặt chẽ với các cơ quan, đơn vị, chính quyền các cấp và có khả năng dẫn dắt, kết nối cộng đồng doanh nghiệp trong các hoạt động của Hiệp hội và hội viên; đại diện cho tiếng nói của doanh nghiệp hội viên trong các diễn đàn cấp tỉnh, quốc gia và quốc tế;

- Sẵn sàng đặt lợi ích chung lên trên lợi ích cá nhân, công tâm trong điều hành và ra quyết định;

- Có đủ kiến thức, kinh nghiệm, tầm ảnh hưởng và uy tín cao trong cộng đồng doanh nghiệp và xã hội; đủ khả năng lãnh đạo Hiệp hội thực hiện tốt các trọng trách, nhiệm vụ được tỉnh giao; đồng thời, lãnh đạo thực hiện thắng lợi mọi mặt công tác của Hiệp hội.

b) Điều kiện:

- Không giữ chức danh Chủ tịch quá 02 hội/hiệp hội;

- Không là cán bộ, công chức trong các cơ quan, tổ chức trực tiếp quản lý hoặc tham mưu quản lý về lĩnh vực hoạt động chính của Hiệp hội; trừ trường hợp được cấp có thẩm quyền đồng ý bằng văn bản theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ;

- Nhân sự được xem xét, giới thiệu, bầu giữ chức Chủ tịch Hiệp hội phải là người giữ chức vụ Phó chủ tịch Hiệp hội đủ một nhiệm kỳ (05 năm) liền kề trước đó;

- Đáp ứng đầy đủ điều kiện về năng lực, kinh nghiệm, uy tín, sức khỏe và không thuộc đối tượng bị cấm đảm nhiệm chức vụ theo quy định của pháp luật.

c) Ngoài những tiêu chuẩn, điều kiện chung quy định tại điểm a, điểm b khoản này, Hiệp hội quy định cụ thể tiêu chuẩn, điều kiện, độ tuổi, sức khỏe, nhiệm kỳ của Chủ tịch Hiệp hội (nếu có) phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Hiệp hội.

3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hiệp hội:

a) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hiệp hội;

b) Chịu trách nhiệm toàn diện trước cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép thành lập Hiệp hội, cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực hoạt động chính của Hiệp hội, trước Ban Chấp hành, Ban Thường vụ về mọi hoạt động của Hiệp hội.

c) Chỉ đạo, quản lý, điều hành toàn diện mọi hoạt động của Hiệp hội theo quy định của Điều lệ Hiệp hội, nghị quyết của Đại hội, nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hiệp hội và các quy chế, quy định nội bộ do Hiệp hội ban hành.

d) Chủ trì các phiên họp của Ban Chấp hành; chỉ đạo chuẩn bị, triệu tập và chủ trì các cuộc họp của Ban Thường vụ, Ban Thường trực Hiệp hội.

đ) Phân công công việc cho các Phó chủ tịch, Tổng thư ký để thực hiện các nhiệm vụ công tác của Hiệp hội hoặc ủy quyền cho các Phó chủ tịch, Tổng thư ký để thực hiện một số nhiệm vụ khi Chủ tịch vắng mặt.

e) Phân công chức danh Phó Chủ tịch Thường trực theo nhu cầu tổ chức và yêu cầu điều hành của Hiệp hội; bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều động, thay thế, tuyển dụng các chức danh Tổng Thư ký, Chánh Văn phòng, trưởng/phó các Ban chuyên môn và các chức danh khác (nếu có), nhằm bảo đảm sự thống nhất trong chỉ đạo, điều hành và hiệu quả hoạt động của Hiệp hội trong nhiệm kỳ.

g) Ký các văn bản, quyết định và giấy tờ của Hiệp hội theo thẩm quyền; đại diện Hiệp hội trong quan hệ đối nội, đối ngoại và trước pháp luật.

h) Chỉ đạo, kiểm tra và giám sát việc thực hiện nghị quyết, quyết định của Đại hội, Ban Chấp hành, Ban Thường vụ; việc chấp hành Điều lệ, quy chế nội bộ và nghĩa vụ hội viên.

i) Quyết định triệu tập Đại hội thường lệ và bất thường, chỉ đạo chuẩn bị nội dung, chương trình và các báo cáo trình Đại hội.

k) Ký báo cáo định kỳ, đột xuất gửi cơ quan quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật.

l) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của Điều lệ Hiệp hội và các quy chế, quy định nội bộ do Hiệp hội ban hành.

4. Số lượng Phó Chủ tịch Hiệp hội

a) Số lượng Phó Chủ tịch Hiệp hội do Đại hội quyết định trên cơ sở đề nghị của Ban Chấp hành, phù hợp với quy mô và yêu cầu hoạt động của Hiệp hội, bảo đảm bộ máy lãnh đạo tinh gọn và hiệu quả.

b) Trong nhiệm kỳ, khi cần thiết, Ban Chấp hành có thể bổ sung hoặc thay thế Phó Chủ tịch Hiệp hội nhưng không vượt quá 20% số lượng Phó Chủ tịch đã được Đại hội thông qua.

c) Mỗi Phó Chủ tịch được phân công phụ trách một hoặc một số lĩnh vực cụ thể theo quyết định của Chủ tịch Hiệp hội.

d) Phó Chủ tịch chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hiệp hội, Ban Thường vụ và Ban Chấp hành về kết quả thực hiện nhiệm vụ thuộc lĩnh vực được phân công.

5. Phó Chủ tịch Hiệp hội do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Thường vụ, trên cơ sở danh sách nhân sự do Chủ tịch Hiệp hội giới thiệu, đã được Ban Thường trực thảo luận, thống nhất với ít nhất 2/3 (hai phần ba) tổng số thành viên Ban Thường trực tán thành và trình Ban Thường vụ thống nhất trước khi giới thiệu ra Ban Chấp hành để bầu. Tiêu chuẩn Phó Chủ tịch Hiệp hội do Ban Chấp hành Hiệp hội quy định trên cơ sở đề nghị của Chủ tịch Hiệp hội (Trường hợp đặc biệt do Ban Thường trực xem xét quyết định trên cơ sở danh sách nhân sự do Chủ tịch Hiệp hội giới thiệu).

Phó Chủ tịch Hiệp hội giúp Chủ tịch Hiệp hội chỉ đạo, điều hành công tác của Hiệp hội theo sự phân công của Chủ tịch Hiệp hội; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch và trước pháp luật về lĩnh vực công việc được Chủ tịch Hiệp hội phân công hoặc ủy quyền. Phó Chủ tịch Hiệp hội thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hiệp hội, phù hợp với Điều lệ Hiệp hội và các quy chế, quy định nội bộ do Hiệp hội ban hành.

6. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hiệp Hội:

a) Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hiệp hội được miễn nhiệm trong các trường hợp: không đủ sức khỏe; không đủ năng lực và uy tín để hoàn thành nhiệm vụ; theo yêu cầu nhiệm vụ của cơ quan có thẩm quyền; nhân sự có đơn xin từ chức vì lý do cá nhân;

b) Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hiệp hội bị bãi nhiệm khi có kết luận của cấp có thẩm quyền về việc Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hiệp hội vi phạm pháp luật, Điều lệ Hiệp hội làm ảnh hưởng đến uy tín, hoạt động của Hiệp hội hoặc bị Tòa án kết án có tội;

c) Khi miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hiệp hội phải đồng thời bầu Chủ tịch khác để thay thế theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hiệp hội hoặc phân công người điều hành hoạt động của Hiệp hội trong thời gian chưa bầu được Chủ tịch Hiệp hội.

7. Đình chỉ công tác và cho phép công tác trở lại đối với Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hiệp Hội:

a) Chủ tịch và Phó chủ tịch Hiệp hội bị đình chỉ công tác trong các trường hợp: bị tạm giam, tạm giữ để điều tra xét xử theo quy định của pháp luật; vi phạm nghiêm trọng Điều lệ, quy chế, quy định của Hiệp hội.

b) Ban chấp hành Hiệp hội quy định cụ thể các hành vi vi phạm, thẩm quyền, trình tự, thủ tục đình chỉ công tác, cho phép công tác trở lại đối với Chủ tịch, Phó chủ tịch Hiệp hội.

8. Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm, đình chỉ công tác và cho phép công tác trở lại đối với Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hiệp Hội được thực hiện theo quy định tại khoản 3, 4, 5, 6 Điều 22 Nghị định 126/2024/NĐ-CP ngày 08/10/2024 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội.

Điều 20. Tổng Thư ký Hiệp hội

1. Tổng Thư ký là người giúp việc cho Ban Thường trực và Chủ tịch Hiệp hội trong công tác tham mưu, điều phối, quản lý nghiệp vụ và tổ chức triển khai các hoạt động của Hiệp hội; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hiệp hội, Ban Thường trực về việc tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao.

2. Tiêu chuẩn Tổng Thư ký Hiệp hội do Chủ tịch Hiệp hội quyết định trên cơ sở nghị quyết của Ban Thường trực Hiệp hội.

3. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Thư ký do Chủ tịch Hiệp hội quyết định trên cơ sở nghị quyết của Ban Thường trực Hiệp hội.

4. Nhiệm vụ, quyền hạn: Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn do Chủ tịch và Ban Thường trực Hiệp hội phân công hoặc ủy quyền.

Chương V

ĐỔI TÊN, CHIA, TÁCH, SÁP NHẬP, HỢP NHẤT VÀ GIẢI THỂ HIỆP HỘI

Điều 21. Đổi tên, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất và giải thể Hiệp hội

Việc đổi tên, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất và giải thể Hiệp hội được thực hiện theo quy định của Bộ luật Dân sự, quy định của pháp luật về hội, nghị quyết Ban chấp hành Hiệp hội và các quy định pháp luật có liên quan.

Điều 22. Thu hồi con dấu của Hiệp hội

Việc thu hồi con dấu đối với Hiệp hội đổi tên, Hiệp hội bị chia, sáp nhập, hợp nhất, bị đình chỉ hoạt động có thời hạn, giải thể được thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng con dấu và các quy định của pháp luật có liên quan.

Chương VI

TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN

Điều 23. Tài chính, tài sản của Hiệp hội

1. Tài chính của Hiệp hội:

a) Nguồn thu của Hiệp hội:

- Hội phí hàng năm của hội viên;
- Thu từ các hoạt động của Hiệp hội theo quy định của pháp luật;
- Tiền tài trợ, ủng hộ của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật;
- Ngân sách nhà nước hỗ trợ (nếu có) cho các nhiệm vụ Đảng, Nhà nước giao theo quy định của pháp luật;

- Các khoản thu hợp pháp khác.

b) Các khoản chi của Hiệp hội:

- Chi hoạt động thực hiện nhiệm vụ của Hiệp hội;
- Chi thực hiện nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao (nếu có);
- Chi thuê trụ sở, mua sắm phương tiện làm việc;

- Chi thực hiện chế độ, chính sách đối với những người làm việc tại Hiệp hội theo quy định của Ban Chấp hành Hiệp hội phù hợp với quy định của pháp luật;
- Chi khen thưởng và các khoản chi khác theo quy định của Ban Chấp hành Hiệp hội.

2. Tài sản của Hiệp hội:

a) Tài sản của Hiệp Hội bao gồm trụ sở, trang thiết bị, phương tiện phục vụ hoạt động của Hiệp hội và các tài sản hợp pháp khác theo quy định của pháp luật. Tài sản của Hiệp hội được hình thành từ nguồn kinh phí của Hiệp hội do các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước hiến, tặng theo quy định của pháp luật.

b) Việc quản lý, sử dụng tài sản của Hiệp hội thực hiện theo quy định của pháp luật dân sự, pháp luật về tài sản, tài chính, kế toán và Điều lệ của Hiệp hội. Đối với tài sản công thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

c) Khi Hiệp hội chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể thì Hiệp hội kiểm kê, phân loại tài sản để xác định việc xử lý tài sản:

- Đối với tài sản của Hiệp hội là tài sản công thì việc quản lý, sử dụng, xử lý thực hiện theo quy định của pháp luật về tài sản công.
- Đối với tài sản của Hiệp hội được hình thành từ nguồn tự có của Hiệp hội thì việc quản lý, sử dụng và xử lý được thực hiện theo quy định của pháp luật về dân sự, pháp luật có liên quan và Điều lệ của Hiệp hội.

Điều 24. Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hiệp hội

1. Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hiệp hội:

a) Tài chính, tài sản của Hiệp hội chỉ được sử dụng cho các hoạt động của Hiệp hội.

b) Tài chính, tài sản của Hiệp hội khi chia, tách; sáp nhập; hợp nhất, đình chỉ hoạt động có thời hạn và giải thể được giải quyết theo quy định của pháp luật về hội và pháp luật có liên quan.

c) Ban Chấp hành Hiệp hội ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hiệp hội đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, tiết kiệm, phù hợp với quy định của pháp luật về tài chính, kế toán, về quản lý, sử dụng tài sản công và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

2. Thực hiện công tác kế toán, kiểm toán, thống kê:

a) Hiệp hội phải tổ chức công tác kế toán, thống kê theo đúng quy định của Luật Kế toán, Luật Thống kê và các văn bản hướng dẫn thực hiện, cụ thể:

- Chấp hành các quy định về chứng từ kế toán; hạch toán kế toán và các nghiệp vụ kinh tế, tài chính, tài sản có liên quan đến Hiệp hội;

- Mở sổ kế toán ghi chép và lưu trữ các nghiệp vụ kinh tế, tài chính, tài sản có liên quan đến Hiệp hội (phản ánh, theo dõi chi tiết số thu, chi tiền, hiện vật do các tổ chức, cá nhân đóng góp, viện trợ, tài trợ và các khoản thu, chi khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hiệp hội);

- Lập đầy đủ, đúng hạn các báo cáo tài chính, quyết toán năm gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép thành lập Hiệp hội và cơ quan tài chính cùng cấp với cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép thành lập Hiệp hội hoặc cơ quan tài chính của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép thành lập Hiệp hội;

- Lập đầy đủ hồ sơ, tài liệu, chứng từ khác có liên quan theo quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền.

b) Chịu sự thanh tra, kiểm tra, kiểm toán về việc thu, chi, quản lý và sử dụng tài chính, tài sản của cơ quan tài chính cùng cấp với cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép thành lập Hiệp hội hoặc cơ quan tài chính của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép thành lập Hiệp hội và cơ quan kiểm toán có thẩm quyền.

c) Cung cấp các thông tin cần thiết gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi có yêu cầu theo quy định của pháp luật.

Điều 25. Giải quyết tài sản, tài chính khi Hiệp hội chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, đình chỉ hoạt động có thời hạn và giải thể Hiệp hội

Việc xử lý tài sản, tài chính của Hiệp hội khi chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, đình chỉ hoạt động có thời hạn hoặc giải thể được thực hiện theo quy định tại Điều 36 Nghị định số 126/2024/NĐ-CP ngày 08/10/2024 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội và các quy định pháp luật có liên quan.

Chương VII KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT

Điều 26. Khen thưởng

1. Tổ chức thuộc Hiệp hội, hội viên có thành tích xuất sắc được Hiệp hội khen thưởng hoặc được Hiệp hội đề nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền khen thưởng theo quy định của pháp luật.

2. Ban Chấp hành Hiệp hội quy định cụ thể hình thức, thẩm quyền, thủ tục khen thưởng trong nội bộ Hiệp hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hiệp hội.

Điều 27. Kỷ luật

1. Tổ chức thuộc Hiệp hội, hội viên vi phạm pháp luật; vi phạm Điều lệ, nghị quyết, quy định, quy chế hoạt động của Hiệp hội thì bị xem xét, thi hành kỷ luật bằng các hình thức sau:

- a) Khiển trách;
- b) Cảnh cáo;
- c) Bãi nhiệm;
- d) Cách chức;
- đ) Khai trừ.

Trường hợp gây thiệt hại về vật chất thì phải bồi thường và chịu trách nhiệm trước pháp luật theo quy định.

2. Ban Chấp hành Hiệp hội quy định cụ thể thẩm quyền, thủ tục xem xét kỷ luật trong Hiệp hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hiệp hội.

Chương VIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 28. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hiệp hội

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hiệp hội phải được Đại hội Hiệp hội thông qua khi có ít nhất trên 1/2 (một phần hai) tổng số đại biểu chính thức tham dự Đại hội tán thành.

2. Điều lệ phải được Hiệp hội hoàn thiện, đảm bảo phù hợp theo quy định của pháp luật và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép thành lập Hiệp hội phê duyệt.

Điều 29. Hiệu lực thi hành

1. Điều lệ Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh Thanh Hóa gồm 08 Chương, 29 Điều, đã được Đại hội Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh Thanh Hóa thông qua ngày 13 tháng 12 năm 2025 và có hiệu lực thi hành theo quyết định phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

2. Căn cứ quy định của pháp luật về hội và Điều lệ Hiệp hội, Ban Chấp hành Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh Thanh Hóa hướng dẫn và tổ chức thực hiện Điều lệ này theo quy định./.